TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CĐ
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2020/HS-ST
Ngày: 20/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CĐ, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Nghĩa;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải

Ông Trần Quốc Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Diệp - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2019/TLST- HS ngày 23 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST- HS ngày 07 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: Phạm Văn H; Tên gọi khác: P; Sinh năm: 1992; Tại: L; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Ấp 2, xã A, huyện B, tỉnh L; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Phạm Văn Lợi và bà Huỳnh Thị Kim Thủy.

Tiền sự: Ngày 9/8/2018, UBND xã A ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường trong thời hạn 03 tháng (chấp hành xong ngày 9/11/2018). Tiền án: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 03/11/2019 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

2. Họ tên: Trần Văn Hoàng Tr; Tên gọi khác: Cọp; Sinh năm: 1986; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: ấp N, xã S, huyện C, tỉnh T; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Văn Lành (chết) và bà: Nguyễn Thị Linh, Vợ: Lê Thị Bạch Tuyết, sinh năm: 1985; Con: 02 người, sinh năm 2010 và 2013.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 06/11/2019 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1970 (có đơn xin vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp 4, xã Long Cang, huyện D, tỉnh L;

Người làm chứng:

1. Anh Huỳnh Văn C, sinh năm:1973(vắngmặt);

Nơi cư trú: Ấp 4, xã Long Cang, huyện D, tỉnh L.

2. Anh Dương Văn T, sinh năm:1969 (vắngmặt);

Nơi cư trú: Ấp 3, xã Long Cang, huyện D, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi của các bị cáo: Khoảng 04 giờ ngày 30/8/2019, Trần Văn Hoàng Tr và Phạm Văn H đang chơi game ở thị trấn B thì Tr rủ H đi tìm tài sản trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài, H đồng ý nên điều khiển xe mô tô biển số 51H1 - 8220 chở Tr đi trên đường tỉnh 830B để tìm tài sản sơ hở của người dân. Khi cả hai đến khu vực thuộc ấp 4, xã Long Cang, H phát hiện trên bàn thờ đặt tại hành lang trước nhà anh Nguyễn Văn N có 02 con hạc bằng đồng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài. H cho xe đậu trước cửa nhà anh N để Tr ở ngoài xe cảnh giới, còn H đi vào hành lang, lén lút lấy cắp 02 con hạc nêu trên, rồi ra xe tẩu thoát. Lúc này, anh N nhìn màn hình camera P hiện nên dùng xe mô tô truy đuổi đến chợ Long Cang thì có lực lượng Công an xã tuần tra P hiện bắt giữ Tr và H cùng tang vật. Tại Kết luận định giá tài sản 35/KL-HĐĐGTS ngày 12/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện D kết luận tổng giá trị 02 con hạc bằng đồng là 6.400.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Trần Văn Hoàng Tr và Phạm Văn H thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo H và bị cáo Tr khai: Do không có tiền tiêu xài cá nhân, không kiềm chế được lòng tham nên các bị cáo trộm tài sản của anh N. Các bị cáo bị truy cứu về tội "Trộm cắp tài sản" là đúng, không oan sai. Bị cáo H và bị cáo Tr không có ý kiến về Kết luận định giá tài sản; Lời khai của người bị hại và lời khai của những người làm chứng vắng mặt mà Hội đồng xét xử công bố tại phiên tòa. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, các bị cáo tự nguyện khai báo; không có ai đe dọa, cưỡng ép.

Người bị hại anh Nguyễn Văn N có lời trình bày tại Cơ quan cảnh sát điều tra: phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên

tòa. Ngày 20/01/2020, anh N nêu đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu gì thêm và đề nghị xét xử vắng mặt.

Những người làm chứng trình bày tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D như diễn biến sự việc đã nêu trên.

Sau khi được Hội đồng xét xử công bố lời khai của người bị hại và những người làm chứng vắng mặt, các bị cáo thừa nhận là phù hợp với hành vi của các bị cáo, không có ý kiến phản đối.

Bản Cáo trạng số 01/CT-VKSCĐ ngày 16/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh L truy tố bị cáo Trần Văn Hoàng Tr và Phạm Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Trần Văn Hoàng Tr và Phạm Văn H đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Hành vi của các bị cáo xâm phạm đến tài sản của người bị hại, gây mất trật tự an toàn xã hội nên cần phải nghiêm trị. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn Hoàng Tr và Phạm Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo: Phạm Văn H từ 09 -12 tháng tù; Trần Văn Hoàng Tr từ 06- 09 tháng tù.

Đề nghị miễn phạt tiền theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đề cập.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cần móc bằng nhựa, dài 1,9m; 01(một) cờ lê 13 hiệu Yeti USA; 01(một) cờ lê 14, hiệu ATC; 01 (một) đoạn kim loại dạng hình ống, dài 37cm, đường kính 2,1cm; 01 (một) đèn pin đã qua sử dụng màu trắng; 01 (một) tua vít màu đen dài 17cm.

Ý kiến của bị cáo về quyết định truy tố của Viện kiểm sát: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng: Các bị cáo gửi lời xin lỗi người bị hại và xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng:* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Xét nội dung vụ án:* Các bị cáo Trần Văn Hoàng Tr và Phạm Văn H thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản ngày 30/8/2019, phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai, khách quan tại phiên tòa. Lợi dụng sự sơ hở của anh N mà các bị cáo đã lét lút chiếm đoạt 02 con hạc bằng đồng của anh N.

[2.1] Tại Kết luận định giá tài sản 35/KL-HĐĐGTS ngày 12/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện D kết luận tổng giá trị 02 con hạc bằng đồng là 6.400.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình Sự, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử xét thấy truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh L đối với các bị cáo là có căn cứ. Chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa, tuyên bố các bị cáo Trần Văn Hoàng Tr và Phạm Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nH thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

[2.2] *Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[2.3] *Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Sau khi phạm tội trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, có bị cáo con còn nhỏ đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[2.4] *Xét hình phạt đối với các bị cáo:*

Về hình phạt chính: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người bị hại; tác động xấu đến nếp sống văn minh lành mạnh; gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo là một T niên có sức khỏe, đáng lẽ phải chăm chỉ lao động để phục vụ nhu cầu bản thân, chăm lo cho gia đình, góp phần ổn định xã hội, gìn giữ an ninh trật tự chung. NH các bị cáo lại thực hiện những hành vi mà pháp luật nghiêm cấm, trái với các chuẩn mực đạo đức xã hội; các bị cáo muốn có tiền tiêu xài nH lười lao động; trộm cắp tài sản có được từ công sức lao động vất vả của người khác.Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm mới đủ sức răn đe phòng ngừa chung, đảm bảo tính nghiêm minh công bằng của pháp luật; đồng thời giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội. Với tính chất hành vi, khả năng nhận thức của các bị cáo, mức độ hậu quả mà các bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục. Đây là vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên cũng phải phân tích vai trò của từng bị cáo để có mức án phù hợp. Trong vụ án, bị cáo Tr là người đề xuất, rủ rê và cảnh giới, H là người thực hành nên hình phạt của Tr phải cao hơn H nH H có nhân thân xấu nên các bị cáo phải chịu hình phạt ngang nhau.

[2.5] *Xét hình phạt bổ sung*: Các bị cáo không có việc làm, không có thu nhập, có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên miễn phạt tiền theo quy định tại khoản 5 các Điều 173 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[2.6] *Xét trách nhiệm dân sự:* Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] *Về xử lý vật chứng*: Chấp nhận lời đề nghị của viện kiểm sát, căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) cần móc bằng nhựa, dài 1,9m; 01(một) cờ lê 13 hiệu Yeti USA; 01(một) cờ lê 14, hiệu ATC; 01 (một) đoạn kim loại dạng hình ống, dài 37cm, đường kính 2,1cm; 01 (một) đèn pin đã qua sử dụng màu trắng; 01 (một) tua vít màu đen dài 17cm. Tất cả do Chi cục thi hành án dân sự huyện D tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/12/2019.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 51H1 - 8220 các bị cáo dùng vào việc phạm tội, do chưa tìm được chủ sở hữu nên cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[4] *Về án phí*: Bị cáo Trần Văn Hoàng Tr và Phạm Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào Điều 135; Điều 106, khoản 2 Điều 136; Điều 329; Điều 331; Điều 332; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn Hoàng Tr và Phạm Văn H phạm tội "**Trộm cắp tài sản**" :

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H **09** (**chín**) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/11/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo H 45 ngày để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Hoàng Tr **09** (**chín**) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/11/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Tr 45 ngày để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Miễn phạt tiền cho các bị cáo theo quy định tại khoản 5 điều 173của Bộ luật Hình sự.

Về xử lý vật chứng, tang vật của vụ án: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cần móc bằng nhựa, dài 1,9m; 01(một) cờ lê 13 hiệu Yeti USA; 01(một) cờ lê 14, hiệu ATC; 01 (một) đoạn kim loại dạng hình ống, dài 37cm, đường kính 2,1cm; 01 (một) đèn pin đã qua sử dụng màu trắng; 01 (một) tua vít màu đen dài 17cm. Tất cả do Chi cục thi hành án dân sự huyện D tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/12/2019.

Về án phí: Bị cáo Trần Văn Hoàng Tr và Phạm Văn H mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được Tòa án niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện D;
- CA huyện D;
- THA huyện D;
- Bị cáo;
- Lưu: Án văn; Hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Hữu Nghĩa

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng

ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp th ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260

của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)